

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HOÀ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 332/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 12 - 9 - 2022

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HOÀ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Trần Trúc Thuỷ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hồng Phượng

2. Bà Vương Thị Khánh Loan

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Thanh Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên toà: Ông Phạm Như Nền - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 1988/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2022, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 343/2022/QĐXXST - HNGĐ, ngày 22 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1977.

Địa chỉ: 227B/5, tổ 8, khu phố 3, phường H, thành phố H, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Nguyễn Trường T, sinh năm 1977.

Địa chỉ: 227B/5, tổ 8 (mới 8D), khu phố 3, phường H, thành phố H, tỉnh Đồng Nai.

(Bà H, ông T có đơn xin giải quyết vắng mặt.)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà và ông Nguyễn Trường T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn và được UBND phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 89 ngày 07/7/2006. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, vợ chồng hay cãi nhau. Vợ chồng đã nhiều lần hàn gắn, hoà giải đoàn tụ nhưng không thành. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, hoà giải đoàn tụ không thành nên bà xin được ly hôn với ông T.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà và ông T có 02 con chung là cháu Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 17/01/2007 và cháu Nguyễn Mai L1, sinh ngày 20/9/2008. Ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung, ông T cấp dưỡng nuôi con là 3.000.000đồng/tháng/2 cháu.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Trường T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Quá trình chung sống, ông và bà H có mâu thuẫn và bất đồng quan điểm sống, nhưng ông vẫn muốn được hoà giải, hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng. Trường hợp bà H vẫn cương quyết ly hôn thì ông chấp nhận sự phán quyết của Tòa án, đồng ý ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống, ông và bà H có 02 con chung là cháu Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 17/01/2007 và cháu Nguyễn Mai L1, sinh ngày 20/9/2008. Ly hôn, ông đồng ý để bà H được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung, ông cấp dưỡng nuôi con là 3.000.000đồng/tháng/2 cháu.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hoà phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà H được ly hôn với ông T. Về con chung: Giao cho bà H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu L, cháu L1. Ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng/tháng/2 cháu. Về tài sản chung, nợ chung: Đề nghị không xem xét, giải quyết. Về án phí: Các đương sự chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị H khởi kiện về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” đối với bị đơn là ông Nguyễn Trường T, cư trú tại phường H, thành phố H, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai.

Tại phiên tòa, bà H, ông T vắng mặt nhưng có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà H, ông T theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được UBND phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 89 ngày 07/7/2006 nên là hôn nhân hợp pháp theo Điều 9, Điều 11, Điều 12 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 nên được pháp luật công nhận, bảo vệ.

Bà H xin được ly hôn với ông T vì bà H cho rằng cuộc sống của vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã dẫn đến tình cảm vợ chồng hiện nay không còn. Toà án đã tiến hành xác minh mâu thuẫn vợ chồng giữa bà H, ông T nhưng địa phương không cung cấp được mâu thuẫn do bà H, ông T không trình báo. Tuy nhiên, lời trình bày về cuộc sống vợ chồng của bà H trong quá trình giải quyết vụ án phù hợp với xác nhận của ông T về cuộc sống vợ chồng giữa bà H, ông T có mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống. Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã mở phiên hoà giải phân tích để hàn gắn mối quan hệ hôn nhân giữa bà H, ông T nhưng kết quả hoà giải, hàn gắn, đoàn tụ không thành, bà H vẫn cương quyết ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn quan hệ hôn nhân giữa bà H, ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể hoà giải hàn gắn đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, nay bà H xin ly hôn với ông T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống, bà H và ông T có 02 con chung là cháu Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 17/01/2007 và cháu Nguyễn Mai L1, sinh ngày 20/9/2008. Ly hôn, bà H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung, yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con là 3.000.000đồng/tháng/2 cháu. Về điều kiện nuôi con, hiện nay bà H đang làm việc tại Trường Tiểu học Lý Thường Kiệt với mức lương trung bình 9.200.000 đồng/tháng. Mặc khác, cháu L, cháu L1 đã trên 07 tuổi, qua tham khảo các cháu có nguyện vọng được bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục khi ba mẹ ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án, ông T trình bày hiện ông T đang làm việc tại Trung tâm kiểm nghiệm Đồng Nai với mức lương trung bình 6.500.000 đồng/tháng. Trường hợp ly hôn, ông T đồng ý để bà H được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung và ông T cấp dưỡng nuôi con là 3.000.000đồng/tháng/2 cháu cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Ý kiến của ông T là tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định. Vì vậy, để đảm bảo cuộc sống các cháu ổn định, phát triển khoẻ mạnh, chấp nhận yêu cầu của bà H, giao các cháu cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, tạm thời ông T cấp dưỡng nuôi con là 3.000.000đồng/tháng/2 cháu, thời hạn cấp dưỡng kể từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định pháp luật là phù hợp.

[2.3] Về tài sản chung: Đương sự trình bày tự thoả thuận, không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Đương sự trình bày không có, không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Bà H phải chịu án phí ly hôn và ông T phải chịu án phí về cấp dưỡng theo quy định pháp luật.

[4] Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hoà phù hợp với quy

định pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 9, 11, 12 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000;
- Các Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84; Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 118, Điều 119, Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.
 - Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Trường T.
 - Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 17/01/2007 và cháu Nguyễn Mai L1, sinh ngày 20/9/2008 cho bà Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Tạm thời ông Nguyễn Trường T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000đ/tháng/2cháu (Ba triệu đồng/tháng/2 cháu); 1.500.000đ/cháu/tháng (Một triệu năm trăm nghìn đồng/cháu/tháng), kể từ ngày 12/9/2022 cho đến khi chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.
- Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.
- Ông T có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các bên được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí bà H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hoà theo biên lai thu số 0003478 ngày 29 tháng 6 năm 2022 (bà H đã nộp xong).

Ông Nguyễn Trường T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình về việc cấp dưỡng nuôi con (ông T chưa nộp).

3. Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Tp. Biên Hòa;
- UBND phường Tân Hiệp;
- Chi cục T.H.A.DS Tp. Biên Hòa;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Trần Trúc Thủy

